

BIẾN ĐỔI KHÔNG GIAN TÔN GIÁO Ở HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH ĐÔ THỊ HÓA

Tóm tắt: Hà Nội, trong khu vực Đồng bằng sông Hồng, là địa phương có mật độ và sự đa dạng cao về nơi thờ cúng thể hiện niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên. Thuật ngữ khoa học gọi đó là các không gian thiêng/không gian tôn giáo. Giới khoa học xã hội quốc tế và trong nước gần đây bắt đầu đẩy mạnh việc nghiên cứu tôn giáo từ sự thể hiện về phương diện vật chất và hữu hình này. Điểm đáng chú ý trong các nhận định của giới nghiên cứu là có nhiều thông tin giá trị, giúp làm giàu tri thức về tôn giáo thông qua nghiên cứu không gian tôn giáo. Đồng thời, đặt trong bối cảnh xã hội có nhiều biến đổi, các quá trình toàn cầu hóa về văn hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa, đời sống tôn giáo có nhiều biến đổi và các không gian tôn giáo có xu thế biến đổi theo. Ở Hà Nội, các không gian tôn giáo đang biến đổi do những hoạt động tiêu biểu nào? Kết quả của sự biến đổi đó là gì? Các nhân tố nào đóng vai trò chủ đạo tham gia vào sự biến đổi đó? Bài viết này góp phần trả lời những câu hỏi trên.

Từ khóa: Biến đổi; không gian tôn giáo; Hà Nội; đô thị hóa.

Dẫn nhập

Hà Nội hiện nay, là nơi diễn ra quá trình đô thị hóa với tốc độ rất nhanh trong lịch sử của mình¹. Khi Hà Nội mở rộng địa giới năm 2008, Thành phố từ chỗ chỉ có 5 khu nội thành vào năm 1945 đã

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ: *Không gian tôn giáo trong bối cảnh đô thị hóa: Nghiên cứu trường hợp Hà Nội* do TS. Hoàng Văn Chung làm chủ nhiệm; Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là cơ quan chủ trì.
Ngày nhận bài: 08/9/2020; Ngày biên tập: 14/9/2020; Duyệt đăng: 21/9/2020.

lên tới có 30 quận, huyện trên diện tích 3.344,7 km². Việc mở rộng địa giới có liên hệ mật thiết đến quá trình đô thị hóa, kéo theo những thay đổi căn bản về văn hóa, lối sống, và hoạt động kinh tế. Trong những thay đổi có thể quan sát thấy ở Hà Nội, có những thay đổi trong đời sống tôn giáo. Nghiên cứu về tôn giáo ở Hà Nội trong nhiều năm qua thường tập trung chủ yếu vào các xu thế biến đổi của niềm tin, thực hành, người tu hành và tín đồ, các loại hình tổ chức cộng đồng, hay tương tác giữa thiết chế tôn giáo và các thiết chế thể tục, phi tôn giáo như chính trị, kinh tế, luật pháp, v.v... Các nghiên cứu về phương diện vật chất vốn biểu thị ra niềm tin tôn giáo bao gồm các công trình thờ cúng, biểu tượng và vật phẩm tôn giáo cùng sự biến đổi của chúng đặt trong tương quan với biến đổi tôn giáo còn rất hiếm hoi.

Trên nền tảng lý thuyết về không gian tôn giáo và biến đổi không gian tôn giáo, kết hợp với những dữ liệu thu thập từ thực tiễn, bài viết có mục đích nhận diện và phân tích những hoạt động mang tính can thiệp làm biến đổi không gian tôn giáo ở Hà Nội từ Đổi mới đến nay trong sự liên hệ với những tác động và điều kiện của quá trình đô thị hóa. Bài viết này giới hạn vào không gian tôn giáo công cộng ở Hà Nội hiện nay, bao gồm các công trình phục vụ thờ cúng và sinh hoạt của các tôn giáo có tổ chức và của tôn giáo dân gian - vẫn thường được gọi là tín ngưỡng.

Tiến trình mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa đặt ra những thách thức và cơ hội gì với không gian tôn giáo? Đã có một số nghiên cứu ở Việt Nam đề cập đến chủ đề này. Một nghiên cứu đã tập trung vào những biến đổi về xã hội và văn hóa của các làng quê trở thành phường ở Hà Nội. Những biến đổi được phát hiện bao gồm: sự đề cao lối sống cá nhân, quyền tự do cá nhân được nhấn mạnh cùng với sự suy giảm của mối liên hệ cộng đồng (dòng họ, làng, xã); sự giàu có lên nhanh chóng về mặt tiền bạc của một số người nhưng không đi cùng sự tăng trưởng về văn hóa và lối sống; xuất hiện những xung đột về lối sống giữa dân cư tại chỗ và dân nhập cư. Vấn đề đặt ra ngay đó là tác động của cái gọi là quá trình “đô

thị hóa cưỡng bức” tại đó người dân thiếu sự chuẩn bị trên mọi phương diện². Trong khảo sát thực tiễn tại các phường đã chọn làm mẫu nghiên cứu, tác giả chỉ ra nhiều hình thức mà tại đó các không gian thiêng trong làng hoặc được tu sửa khang trang hoặc lại bị làm biến mất, biến dạng, thu hẹp diện tích. Có nhiều trường hợp chùa bị phá bỏ để xây mới và các chùa cổ còn giữ lại về nguyên bản là rất hiếm. Vấn đề tác giả chỉ ra là việc chạy đua để di tích có dáng vẻ bề thế, to đẹp hơn các nơi khác làm mất đi nguyên trạng cổ xưa của các không gian thiêng. Nhưng đe dọa trực tiếp từ đô thị hóa đối với không gian thiêng mà tác giả chỉ ra là sự khan hiếm và đắt đỏ của đất đai dẫn đến tình trạng lấn chiếm khuôn viên của các di tích; xu hướng biến các không gian thiêng thành nơi “kinh doanh các hoạt động tâm linh”; xu hướng sử dụng không gian thiêng sai mục đích; xu hướng phục dựng phần “lỗi” của di tích mà không quan tâm đến cảnh quan chung³.

Không gian tôn giáo trong bối cảnh đô thị hóa ở Hà Nội được cho là phải biến đổi để thích nghi. Sự thích nghi ấy biểu hiện qua việc các không gian tôn giáo phải tự điều chỉnh lại quy mô của mình theo hướng thu hẹp diện tích. Điều này diễn ra cả với các không gian tôn giáo thuộc về cộng đồng và thuộc về gia đình; các công trình tôn giáo phải gánh thêm chức năng kinh doanh du lịch; và sự điều chỉnh hoạt động tôn giáo theo không gian tôn giáo đã bị thu hẹp⁴. Như vậy, không gian tôn giáo bị biến đổi trước sức ép của đô thị hóa theo hướng vừa bị thu hẹp về quy mô, vừa gia tăng chức năng thế tục. Và sự biến đổi này tác động ngược lại thực hành tôn giáo. Điều này giải thích cho các trường hợp gây ra bức xúc trong dư luận như các đám rước tôn giáo gây tắc nghẽn giao thông, như trường hợp các chùa tổ chức nghi lễ mà người tham dự ngồi lấn ra hết lòng đường phía trước (chùa Phúc Khánh), hay hiện tượng phải chen lấn xô đẩy để làm lễ tại chùa, miếu, đền ở Hà Nội.

Nhưng những biến đổi của không gian tôn giáo không luôn là trái với mong đợi và ý muốn của người dân. Ví dụ ở làng Dục Nội (Đông Anh), một nghiên cứu cho thấy sự biến đổi của các không

gian thiêng đã theo các hướng như: bị giải thiêng (do chính sách của nhà nước, quá trình đô thị hóa, áp lực dân số với đất đai, phát triển kinh tế, hội nhập xã hội); sự hồi sinh của không gian thiêng (quá trình trùng tu chùa, đình làng, điểm được thúc đẩy, xây dựng các nhà thờ họ mới); sự mở rộng các không gian thiêng⁵. Dù các không gian thiêng trong làng đứng trước sự biến đổi đa chiều như thế, đặc biệt là sự phục dựng chùa và đình làng cùng các điểm (theo hướng khang trang hơn, nhờ vào khả năng huy động các nguồn lực trong bối cảnh kinh tế đã phát triển hơn trước), theo tác giả, phù hợp với ước mong của đa phần dân làng, trong đó có người cao tuổi⁶.

Tóm lại, hiện đại hóa và đô thị hóa trong các xu hướng của châu Á nói chung, của Việt Nam nói riêng, thể hiện một điều đặc biệt: sự ghi nhận tầm quan trọng của yếu tố tôn giáo. Trong bối cảnh ấy, các không gian tôn giáo không những được bảo tồn, tôn tạo và thậm chí đa dạng hóa. Đô thị hóa ở châu Á mang thêm các không gian tôn giáo sự ghi nhận dấu tích của các bản sắc văn hóa thuộc các cộng đồng dân cư khác nhau, để cùng làm nên các không gian đô thị vừa có sự hiện diện của các yếu tố hiện đại vừa có sự hiện diện của các yếu tố truyền thống, trở thành một nét hấp dẫn riêng biệt.

Biến đổi của không gian tôn giáo trong bối cảnh đô thị hóa kể từ sau Đổi mới

Dù ở trong giai đoạn lịch sử nào, Hà Nội vẫn luôn là nơi hiện diện với mật độ cao nhất các không gian tôn giáo. Điểm đặc biệt hơn, ở nơi đây không chỉ có những không gian tôn giáo của cá nhân hay cộng đồng mà còn có những không gian tôn giáo mang tính quốc gia. Qua hơn một thiên niên kỷ, với vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, Hà Nội là nơi có mật độ và sự đa dạng lớn nhất về các không gian tôn giáo, với sự đồng tồn tại của nhiều loại hình niềm tin vào cái siêu nhiên và đi kèm đó là những thực hành và không gian xây dựng nên phục vụ những thực hành đó. Niềm tin vào nhiều dạng thức khác nhau của cái siêu

nhiên biểu hiện ra trong sự tồn tại của truyền thống thờ cúng đa thần. Hà Nội, nằm trong vùng Đồng bằng sông Hồng, trong suốt giai đoạn từ khi kinh thành Thăng Long được thành lập cho đến thời hiện đại, vừa chịu ảnh hưởng của mô hình Tam giáo (Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo), vừa dung dưỡng các niềm tin tôn giáo đậm tính bản địa (thờ tổ tiên, linh hồn con người và động vật, các vị thần tự nhiên, các vị anh hùng có công với cộng đồng), vừa tiếp nhận các loại hình tôn giáo đến từ bên ngoài (Công giáo, Tin Lành, đạo Cao Đài, Islam, v.v...)

Sự đa dạng về niềm tin tôn giáo như thế dẫn đến kết quả trực tiếp là *sự đa dạng và tiếp tục đa dạng hóa các không gian tôn giáo*. Ở Hà Nội trước năm 1986, đã có sự hiện diện của phần lớn các không gian tôn giáo có thể thấy ở vùng Đồng bằng sông Hồng, như chùa, đình, đền, miếu, nghề, lăng, điện. Hơn nữa, Hà Nội còn có những không gian thờ cúng hiếm thấy ở nơi khác trong vùng đồng bằng như thánh đường của Islam, chùa của Phật đường Nam tông Minh sư đạo, thánh thất của đạo Cao Đài... Các không gian thờ cúng thuộc tôn giáo dân gian ở Hà Nội thể hiện rõ xu hướng tích hợp các đối tượng thiêng vào nơi thờ cúng, Do đó, góp phần tạo nên *tính mở và tính tích hợp* của không gian tôn giáo nơi đây.

Các không gian tôn giáo ở Hà Nội có thể được nhận diện trên cơ sở xem xét về sự hiện diện, trưng bày các biểu tượng tôn giáo (tượng, đồ thờ, đồ dùng phục vụ nghi lễ...), các hoạt động nghi lễ, các hoạt động truyền giáo, các hoạt động giáo dục và đào tạo người tu hành chuyên nghiệp, và các hoạt động chung của tín đồ trong cộng đồng tôn giáo. Về phân loại các không gian tôn giáo, có thể thực hiện theo một trong những cách là dựa trên phạm vi, loại hình, tính thuần túy về tôn giáo, theo niên đại hay theo chủ thể kiến tạo.

Hầu hết các không gian tôn giáo công cộng ở Hà Nội đều trải qua sự biến đổi trong những thập niên gần đây dù ít hay nhiều. Sự biến đổi ấy diễn ra là do hàng loạt các hoạt động mang tính can thiệp vào các không gian đó. Chúng tôi khái quát các hoạt động ấy thành các nhóm như dưới đây.

Phục dựng các không gian tôn giáo từ dấu tích xưa cũ

Đây là hoạt động diễn ra khá phổ biến ở đồng bằng sông Hồng nói chung và ở Hà Nội nói riêng. Phục dựng các không gian tôn giáo ở đây là việc *xây dựng lại* các công trình thờ cúng, có thể là đình, đền, chùa, miếu, nhà thờ, v.v... vốn *từng tồn tại* nhưng đã mất đi hoặc bị suy tàn đến mức không thể sử dụng được, chỉ còn các vết tích hay trong ký ức tập thể, vì các lý do tự nhiên hay con người. Trong quá trình phục dựng các không gian tôn giáo, có hai hình thức chính. Thứ nhất là phục dựng lại nguyên bản ban đầu và thứ hai là phục dựng có tùy biến. Thực tế, phục dựng nguyên bản là câu chuyện khó khăn, do các tham chiếu về nguyên mẫu không có nhiều, chưa kể vấn đề kỹ thuật và vật liệu. Phục dựng có tùy biến là hình thức phổ biến hơn cả.

Đối với các di tích đã được xếp hạng, có giá trị lớn về lịch sử, văn hóa, kiến trúc, v.v... phục dựng là công việc của nhà nước. Trong trường hợp đó, hầu như người dân chỉ tham gia với vai trò là đại diện trong Ban Quản lý di tích, cùng giám sát việc phục dựng. Nhà nước thường có nguồn lực lớn, cùng việc sử dụng đội ngũ các nhà khoa học và các kiến trúc sư uy tín, nên việc phục dựng thường đạt kết quả tốt, tạo ra sức thuyết phục trong người dân. Quá trình phục dựng quần thể di tích Văn miếu Quốc tử giám là một dẫn chứng tiêu biểu. Di tích gắn với Nho giáo và nền Nho học của Việt Nam này từ thời hiện đại đã trải qua nhiều lần phục dựng. Xây dựng từ năm 1070, quần thể gồm không gian thờ Khổng Tử và các tiên thánh (nhà Thái học), không gian vinh danh người đỗ đạt (nhà bia tiến sĩ) và các không gian phụ trợ khác (Hồ Văn, Vườn Giám) được bảo tồn và tu bổ qua các triều đại phong kiến. Năm 1947, thực dân Pháp phá hủy nhà Thái học. Từ năm 1990, dưới sự chỉ đạo của Bộ Văn hóa-Thông tin, đã diễn ra nhiều hoạt động tu bổ, phục dựng. Năm 1994, các nhà che bia được xây dựng lại. Năm 1999, nhà Thái Học được phục dựng. Hiện tại, một số hạng mục sẽ được đầu tư phục dựng bao gồm phục dựng Hồ Văn và Phương Đình tại đảo Kim Châu (giữa Hồ Văn). Dù sao,

đây là quá trình có nhiều thuận lợi, vì là di tích văn hóa trọng điểm cấp Quốc gia đặc biệt, được ghi chép trong nhiều tài liệu, có sự tham gia của nhiều nhà khoa học, các kiến trúc sư danh tiếng và nguồn vốn dồi dào từ ngân sách. Đây là hình mẫu cho việc phục dựng không gian nguyên bản.

Phục dựng với sự tùy biến là hình thức phổ biến hơn. Trong bối cảnh phục hồi tôn giáo thời Đổi mới, người dân bắt đầu phục dựng lại những không gian đó, chủ yếu dựa vào ký ức tập thể hoặc các bằng chứng được lưu lại, thường là bia đá, sắc phong, thần tích, hay nền móng còn tìm được. Từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, Hà Nội đã tiến hành phục dựng cụm đền thờ Tản Viên Sơn Thánh, gồm 3 ngôi đền: Thượng, Trung và Hạ, nằm trong khu vực núi Ba Vì. Cụm đền này có dấu tích từ trước, nhưng đã bị hư hỏng gần hết. Năm 2011, UBND Thành phố Hà Nội đã tổ chức động thổ và khởi công dự án này. Theo Cán bộ của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội, cụm công trình này là những công trình tiêu biểu của thành phố được xây dựng và hoàn thành chủ yếu từ vốn xã hội hóa. VINACONEX là đơn vị có nhiều đóng góp và cũng trực tiếp thi công đền Trung. Riêng đền Trung được xây dựng trên diện tích đất 11.500m², diện tích công trình xây dựng là 713m³, với các hạng mục cụ thể như điện thờ Đức Thánh Tản, điện thờ Đức ông, điện thờ Mẫu, nhà Tả vu, Hữu vu, Nghi môn, Miếu Bạch hổ, Cổng tứ trụ, Nhà hóa vàng, Nhà vệ sinh cùng với hệ thống sân vườn, cây xanh, bậc thềm của đường dẫn. Công trình có kết cấu khung là bê tông cốt thép, bộ đỡ mái có gỗ và bê tông cốt thép sơn giả gỗ. Tổng mức đầu tư riêng cho đền Trung là 30.189.410.000 đồng. Hiện nay cụm di tích này đã được công nhận là di tích cấp quốc gia⁷. Trong thực tế quan sát và qua trao đổi với người dân địa phương, chúng tôi được biết các đền thờ, nhất là đền Trung được xây dựng với quy mô lớn hơn trước, có nhiều hạng mục hơn, đồng thời sử dụng nhiều nguyên vật liệu xây dựng hiện đại. Như vậy, sự phục dựng này là phục dựng về vị trí công trình, không phải là phục dựng nguyên bản từng có trước đây.

Một trường hợp phục dựng khác là đình làng Đường Yên ở huyện Đông Anh. Ngôi đình được cho là xây dựng khoảng cuối thế kỷ 18 dưới thời Lê. Khi cải cách ruộng đất diễn ra, đình bị biến thành nhà kho hợp tác xã, vào khoảng năm 1962. Sau đó đình bị dỡ bỏ hoàn toàn để xây trường học vào năm 1975. Năm 2004, trường học được xây ở vị trí khác trong làng. Dân làng tranh thủ cơ hội này, làm đơn xin chính quyền cho phục dựng lại đình làng trên đúng vị trí cũ. Sau gần 2 năm giải quyết các vướng mắc về chính sách và giấy tờ, chính quyền đồng ý với đề nghị của người dân. Năm 2008, với sự góp sức người, sức của từ toàn thể dân làng, đình làng được phục dựng đẹp đẽ, đi cùng với sự phục hồi lễ hội truyền thống nơi đây⁸.

Một câu chuyện khác thể hiện sự thành công của phục dựng một không gian tôn giáo từng biết nhưng cũng có nhiều tùy biến. Năm 2012, miếu thờ Linh Lang Đại vương được xây dựng lại trên dấu tích cũ, với sự kết hợp của chính quyền và nhân dân địa phương với chủ đầu tư là Tổng Công ty Viglacera tại Đặng Xá (Gia Lâm). Theo người cao tuổi trong làng, ngôi miếu này khang trang, bề thế hơn ngôi miếu trước kia, đặc biệt giờ đây nằm giữa lòng một khu đô thị mới. Trong khi đó, ngôi miếu trước kia được nói là nhỏ bé, ít được quan tâm. Không gian tôn giáo này giờ đây còn hiện diện trong một khung cảnh mới, với sự tiếp cận và thực hiện nghi lễ không chỉ của dân làng Đặng Xá mà còn của cư dân của khu đô thị mới. Đây là ví dụ của sự kết hợp khá ổn thỏa của đô thị hóa, bảo tồn và phục dựng không gian tôn giáo.

Nhưng phục dựng là một quá trình phức tạp, có rủi ro và không phải lúc nào cũng thành công. Một ví dụ tiêu biểu là quá trình phục dựng đền thờ Bà Chúa Dâu Tằm ở làng Phượng Cách (Quốc Oai). Trong ký ức dân làng, trên đỉnh núi Kỳ Lân có một ngôi đền với pho tượng bằng đá thể hiện chân dung của bà, được xây dựng từ khoảng trước thế kỷ 18. Đền bị phá hỏng do quá trình thực dân Pháp khai thác đá, tuy nhiên nền đình và hương án vẫn còn. Năm 2004 người dân đứng ra tự phát xây lại đền trên núi và ngôi đền bị chính quyền phá dỡ vì “xây dựng trái phép”. Cuối năm 2005, chính

quyền địa phương xây lại đền mới dưới chân núi, trong đó đặt pho tượng mới của Bà Chúa. Tuy nhiên, người dân không hài lòng với đền mới và tượng mới, vì tất cả đều xa lạ với họ và vì họ quan niệm tính thiêng của ngôi đền phụ thuộc vào vị trí nguyên thủy của nó⁹. Câu chuyện này cho thấy một không gian tôn giáo mới được xây dựng mà quá xa lạ với ký ức và mừng tượng của người dân nó sẽ không được đón nhận. Thiếu sự đồng thuận giữa chính quyền và người dân, một không gian tôn giáo có thể tồn tại một cách “vô duyên”, không có ý nghĩa.

Năm 2019, sự kiện người dân ở Lương Xá (huyện Ứng Hòa) tự hạ giải ngôi đình làng đã 300 năm tuổi (chưa vào danh mục di tích được xếp hạng) và phục dựng lại với bê tông, cốt thép và gạch ngói mới gây xôn xao dư luận. Các cấu kiện mang giá trị cao về thẩm mỹ, kiến trúc, nghệ thuật tạo hình bị tháo dỡ và thay thế dứt khoát với những gì hoàn toàn mới. Quá trình thực hiện đã không có sự phê chuẩn của chính quyền địa phương, không có tư vấn và giám sát về kỹ thuật, không có hành động bảo tồn đúng các thành tố quý giá của công trình. Công trình chưa hoàn thiện thì chính quyền can thiệp, dừng mọi hoạt động và hiện tại tìm phương án khắc phục. Người dân không hoàn toàn sai trong câu chuyện này, bởi ngôi đình cũ đã xuống cấp trầm trọng và có thể sụp đổ bất cứ khi nào. Trong khi đó, nhu cầu thờ cúng và tổ chức lễ hội của dân làng ngày một lớn.

Cũng có những không gian thiêng phát lộ trong tiến trình đô thị hóa nhưng được bảo tồn tạm thời thay vì phục dựng. Ví dụ tiêu biểu là trong quá trình thi công đường Kim Liên - Ô Chợ Dừa, tại gần nút giao với đường Tây Sơn, phát hiện dấu tích của một cấu trúc được suy đoán là đàn Xã tắc. Dù thế nào, có vẻ như một loại “không gian thiêng” đã phát lộ, nhưng cách xử lý của chính quyền là vẫn tiếp tục triển khai công việc. Theo tiến độ và thảo luận các khả năng, sau cùng chính quyền Hà Nội quyết định tạm thời giữ nguyên trạng, không khai quật hay phục dựng di tích này. Tuyến đường vẫn được hoàn thành, dù cây cầu vượt dự kiến xây dựng ban đầu không được thực hiện nữa.

Trong thực tiễn, hoạt động phục dựng lại diễn ra sôi động ở các cơ sở tôn giáo chưa được xếp hạng di tích. Các hoạt động phục dựng thường đa dạng, phụ thuộc nhiều vào năng lực tổ chức hoạt động, nguồn tài chính, và người có chuyên môn kỹ thuật có thể tìm được. Trong các hoạt động đa dạng này, diễn ra nhiều chiều hướng khác nhau. Về cơ bản, người dân khi phục dựng, đều hướng đến việc làm cho không gian tôn giáo của dòng họ, cộng đồng mình khang trang, bề thế, rộng đẹp, và bền chắc hơn trước. Các nguồn tiền huy động được đều được sử dụng đúng mục đích, minh bạch. Quá trình xây dựng được giám sát đầy đủ và có trách nhiệm, đặc biệt là bởi người dân địa phương. Có được điều này là do niềm tin rằng đáng thiêng sẽ trừng phạt bất cứ ai xâm phạm vào tiền của đã thuộc về tập thể dành cho “công việc tâm linh”. Việc phục dựng không gian tôn giáo được coi là trách nhiệm, nghĩa vụ và cũng vì lợi ích của cả cộng đồng, cho nên thường có kết quả tốt.

Có những xu thế đáng lo ngại trong các hoạt động phục dựng. *Thứ nhất* là sao chép kiến trúc và cách bài trí. Điều này làm nên nhiều công trình giống hệt nhau và vô tình xóa đi những phong cách độc đáo phản ánh qua kiến trúc, tạo hình, trang trí của mỗi địa phương, công trình và thời kỳ lịch sử. *Thứ hai*, đó là xu thế làm cái sau to hơn cái nguyên bản, cái mới xây to hơn cái xây trước đó. Nghĩa là có một sự ganh đua trong phô trương năng lực tài chính, tầm nhìn và sự thu hút. *Thứ ba*, đó là xu thế “bê tông hóa” công trình. Phục dựng một công trình tôn giáo, nếu đúng theo truyền thống, thì phải bao gồm cả kỹ thuật, kiểu dáng, cấu trúc và vật liệu xây dựng. Giờ đây, xu thế nhanh, gọn là sử dụng vật liệu xây dựng hiện đại, dựng nên một cấu trúc hoàn toàn bằng xi măng, sắt thép và sau đó tạo màu sơn giả gỗ. Bên cạnh đó, các hệ thống chiếu sáng nhân tạo được lắp đặt, cùng với các loại đèn màu được sử dụng tràn lan. Hệ quả là các không gian tôn giáo trở nên hào nhoáng, rực rỡ, thậm chí “vô hồn”, hầu như đối nghịch với vẻ u tịch, thâm trầm, giản dị và sâu lắng trong tâm trí người dân trước đây.

Nhìn chung, phục dựng không gian tôn giáo, xem như các không gian thiêng, là một nhu cầu, một phong trào rộng khắp Hà Nội. Trong lòng Thành phố, nghĩa là ngay trong các vành đai lõi của thủ đô còn rất nhiều ngôi làng. Rộng lớn hơn, từ khi mở rộng địa giới ra Hà Tây và Hòa Bình, Hà Nội có thêm rất nhiều làng cổ. Mỗi ngôi làng, đều có những không gian thuộc tôn giáo truyền thống như đình, đền, miếu, phủ, bên cạnh các không gian thờ cúng của các tôn giáo chủ lưu. Vì nhiều lý do, nhiều không gian thiêng như thế đã mất đi và giờ đây phục dựng nó với người dân là quan trọng. Tham gia vào quá trình đó, với nhiều người là một hành vi có ý nghĩa cho cuộc sống của chính mình và mang lại lợi ích cho gia đình, con cháu.

Tôn tạo và nâng cấp các không gian tôn giáo đã có

Phổ biến nhất là các hoạt động tôn tạo và nâng cấp các không gian tôn giáo đã có và còn duy trì được cho đến hiện tại. Tôn tạo có thể hiểu là quá trình cải tạo lại, gia cố, sửa chữa để công trình được bền chắc. Nâng cấp ở đây có thể hiểu cả về sự gia tăng cấu trúc ban đầu từ các phương diện như chiều cao, bề rộng, làm tăng vẻ đẹp và sự bền chắc; sự nâng cấp đồ thờ, đồ trang trí. Nâng cấp cũng còn sự mở rộng không gian tổng thể và kiến tạo thêm các công trình phụ trợ như nhà khách, nơi chuẩn bị đồ lễ, nơi chứa đồ lễ, bãi đỗ xe, công viên cây xanh, tường bao, đường đi, hệ thống nhà vệ sinh và hệ thống điện chiếu sáng.

Trong lộ trình “di sản hóa” do Nhà nước chủ trương, các di tích tôn giáo, rất nhiều không gian tôn giáo xưa cũ đã trở thành các di tích thông qua quá trình làm hồ sơ, đánh giá giá trị và xếp hạng di tích. Đặc biệt với các không gian đã được xếp hạng, thì hoạt động tôn tạo và nâng cấp diễn ra đặc biệt sôi động trong vòng ba thập niên gần đây. Khảo sát, xếp hạng, và bảo tồn di tích đối với các không gian thuộc tôn giáo khác và thuộc tôn giáo dân gian là hoạt động ghi nhận vai trò chính yếu của chính quyền. Theo Báo cáo của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội, Thành phố Hà Nội xác định được 2.225/5.922 di tích trên cả Hà Nội xuất hiện tình trạng xuống cấp.

Trong đó, có 727 di tích có sự xuống cấp các hạng mục chính (trong số này có 279 di tích xuống cấp nghiêm trọng và nguy hiểm) rất được đầu tư để tu sửa cấp thiết. Từ thực tiễn này, Thành phố đã ra quyết định số 6269/QĐ-UBND ngày 16/11/2017 về việc bổ sung kinh phí cho các huyện, thị xã để thực hiện tu sửa cấp thiết, chống xuống cấp cho 50 di tích đã được xếp hạng. Số tiền chi cho việc này là 40.085.000.000 đồng. Báo cáo cũng cho biết trong các năm 2016, 2017 và 2018, số di tích được đầu tư tu bổ lần lượt là 170, 102, và 47. Tổng số trong 3 năm, có 319 di tích đã được xếp hạng được Thành phố đầu tư để tu bổ và chống xuống cấp¹⁰. Các số liệu này cho thấy Thành phố khá chủ động và tích cực trong việc bảo tồn và tu bổ các di tích, mà trong đó phần lớn là các di tích tôn giáo. Các di tích có dấu hiệu xuống cấp đều được hồ sơ hóa và theo dõi thường xuyên.

Đối với Công giáo ở Hà Nội, rất nhiều nhà thờ được tu bổ, nâng cấp trong những năm gần đây. Nhưng khác với các tôn giáo khác, đây là công việc của nội bộ Công giáo. Việc nâng cấp thấy rõ qua việc xây thêm các hạng mục công trình chức năng bên cạnh nhà thờ để phục vụ các nhu cầu duy trì và phát triển đạo. Ví dụ thứ nhất là kế hoạch nâng cấp không gian Công giáo tại Tòa Tổng giám mục Hà Nội (Nhà Chung, quận Hoàn Kiếm)¹¹. Một trường hợp khác là các hạng mục công trình ở xứ Vạn Phúc từ khi được nâng lên thành giáo xứ năm 2007, qua các thế hệ linh mục khác nhau coi sóc đã không ngừng cải tổ nâng cấp nhiều hạng mục xung quanh nhà thờ. Nhìn chung, với Công giáo ở Hà Nội, điểm chung có thể thấy nhất trong nâng cấp không gian của Công giáo là các giáo xứ rất chú tâm đến xây mới hoặc cải tạo các công trình mục vụ. Nhà mục vụ hiện nay được mở rộng không gian qua sửa hoặc xây mới ở hầu hết các giáo xứ. Nó là một công trình tích hợp cho nhiều hoạt động của chức sắc và giáo dân bên cạnh tâm điểm không gian thiêng là nhà thờ xứ, họ đạo.

Với Phật giáo, việc xây thêm các công trình mang tính phụ trợ là khá phổ biến. Một xu thế diễn ra là chùa làng là chùa cũ, cổ, và

không có sự trụ trì. Khi có tăng hay ni được điều chuyển về trụ trì, sớm hay muộn người đó cũng sẽ đứng ra vận động tài chính và tiến hành những hoạt động liên quan đến tu bổ hay nâng cấp ngôi chùa do mình phụ trách. Hàng loạt các hoạt động diễn ra, bao gồm xây cổng, làm tường bao, tô tượng (son son thếp vàng), đúc chuông, trang hoàng lại ban Tam bảo, bổ sung không gian thờ Mẫu, làm sân, trồng cây xanh, xây thêm các không gian phụ trợ (nhà ở cho tăng, ni; nơi sắp lễ). Khi có nguồn tài chính và sự thuận lợi về thủ tục hành chính, các ngôi chùa có xu hướng mua dần thêm đất xung quanh để tiếp tục mở rộng không gian. Nhưng cũng có trường hợp công trình xây thêm được cho là không phù hợp, thậm chí lấn át di tích gốc. Ví dụ, năm 2015, Hương Nghiêm pháp đường - một công trình 2 tầng - được xây dựng trong di tích chùa Hương. Dù đây là công trình phụ trợ (gồm nhà ăn, nhà nghỉ, và nhà vệ sinh), chiều cao và sự bề thế của công trình gây tác động đến cảnh quan chung của di tích, gây sự phản ứng trong dư luận.

Với khối tôn giáo dân gian, các hoạt động tôn tạo và nâng cấp diễn ra trên nhiều phương diện, ở các mức độ khác nhau, với sự tham gia của nhiều nhân tố khác nhau và do đó cũng mang lại những kết quả khác nhau. Các ngôi đình, đền và miếu của cộng đồng được tôn tạo, gia cố, làm đẹp thêm và xu hướng là mở rộng mặt bằng tổng thể đi cùng với cải tạo cảnh quan xung quanh.

Một loại không gian mới, không hẳn là mang tính phụ trợ, mà được tích hợp thêm vào không gian tôn giáo có sẵn, đó là các bàn thờ, gian thờ, hay nhà thờ dành cho người có công với đất nước của giai đoạn hiện đại. Sự hiện diện các bàn thờ Hồ Chí Minh trong các ngôi chùa, đình đã khá phổ biến ở Hà Nội vài thập niên qua. Người ta có thể để ảnh hoặc tượng bán thân, nhưng phía trước có bát hương và hoa quả tươi vẫn được chuẩn bị đều đặn. Thậm chí, các không gian thờ cúng Hồ Chí Minh có thể thấy trong một số công sở. Bên cạnh đó, có các không gian thờ liệt sĩ được tích hợp thêm vào các ngôi chùa, hay đình. Ví dụ, chùa Bồ Đề (huyện Gia Lâm) xây thêm một gian nhà thờ Liệt sĩ. Đình làng Thịnh Liệt (quận

Hoàng Mai) dựng một không gian ngoài trời ngay cạnh và trong khuôn viên của đình để thờ cúng các liệt sĩ của làng.

Đối với những không gian tôn giáo đã được xếp hạng di tích, việc tu bổ và nâng cấp thường diễn ra theo hai xu hướng. Cho đến năm 2018, Hà Nội có 16 di tích quốc gia cấp đặc biệt, trừ Di tích lịch sử khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, 15 di tích còn lại đều là các không gian tôn giáo, hoặc là thuộc Phật giáo (di tích chùa Tây Phương, chùa Thầy, chùa Hương) hoặc là thuộc tôn giáo truyền thống (các quần thể đình và đền). Với các di tích cấp Quốc gia đặc biệt, mọi việc từ quản lý cho đến đầu tư tu bổ đều do Nhà nước chịu trách nhiệm, do đó ngay cả người dân địa phương xung quanh di tích cũng hầu như không thể can thiệp hay tham gia vào hoạt động này.

Những công trình được xếp hạng ở cấp thấp hơn, như cấp quốc gia, và đặc biệt là cấp tỉnh hay huyện thì người dân có thể tham gia nhiều hơn vào quá trình tôn tạo và nâng cấp, từ đóng góp kinh phí cho đến công lao động hay tham gia vào Ban Quản lý di tích. Xu hướng hiện nay là chính quyền và người dân cùng kết hợp để đánh giá và xếp loại cơ sở tôn giáo. Lộ trình “di sản hóa” các không gian tôn giáo của Nhà nước giúp cho các công gian này nâng cao uy tín, được quyền nhận những hình thức tài trợ khác nhau tùy mức độ từ ngân sách nhà nước để bảo tồn và nâng cấp.

Với những công trình chưa được xếp hạng, việc tôn tạo hay nâng cấp diễn ra thường thiếu nhất quán, phụ thuộc vào năng lực tài chính của cộng đồng, do đó kết quả thường thiếu khả quan, thậm chí làm biến tướng, làm suy giảm giá trị của công trình về mặt thẩm mỹ, tính bền chắc, và tính nguyên bản. Ở đây có nhiều xu thế diễn ra thậm chí trái ngược.

Xây dựng mới những không gian tôn giáo

Không gian tôn giáo được xây mới ở đây được hiểu là các không gian xuất hiện trong thời hiện đại, trong thời gian gần đây. “Mới” do đó là mới về niên đại xây dựng, vị trí xây dựng, nhưng mới cũng

nằm ở kiểu kiến trúc, vật liệu được sử dụng và ở cả kỹ thuật xây dựng. Ở Hà Nội, còn xuất hiện các không gian tôn giáo mới, đặc biệt đi cùng đối tượng thờ cúng mới hoặc hình thức hoạt động mới. Những không gian tôn giáo mới mà chúng tôi xác định được trong quá trình thực hiện đề tài bao gồm những không gian tôn giáo mới mang dáng vóc của các không gian tôn giáo truyền thống và những không gian xây hoàn toàn mới.

Những không gian tôn giáo mới mang dáng vóc truyền thống là các chùa, đình, đền, miếu hay nhà thờ được xây dựng gần đây. Các chùa mới xuất hiện ở Hà Nội khá nhiều, đặc biệt trong dịp chuẩn bị kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội. Chùa Yên Phú (Khánh Hưng Tự) ở huyện Thanh Trì là một ví dụ. Đây là ngôi chùa có lịch sử lâu đời, nhưng thực tế chỉ còn tồn tại vườn tháp trước sân, còn lại hầu như đã mất hết. Trong ký ức của người dân, chỉ còn biết ngôi chùa có vào thời điểm năm 1930 là quay về hướng Tây. Năm 2011, chùa được xây dựng lại hoàn toàn mới. Giờ đây, chùa là một công trình bề thế, nhiều lớp, nhiều gian, chủ yếu làm từ bê tông và thép, với lớp vỏ bên ngoài được sơn màu giả gỗ. Cùng với Tam Bảo là hệ thống nhà ở cho tăng và các công trình phụ trợ. Những trường hợp như chùa Yên Phú là rất nhiều ở Hà Nội.

Ở Hà Nội còn có rất nhiều nhà thờ Công giáo được xây mới. Trong 10 trường hợp chúng tôi khảo sát ở Hà Nội, có tới 9 trường hợp là nhà thờ Công giáo được xây mới. Đa số trong các trường hợp này là xây mới trên nền đã có từ trước, là các nhà thờ đã xuống cấp. Nhưng việc xây mới phần lớn đi cùng với những kiến trúc mới hay cải tiến mới, trong khi sự phục dựng nguyên bản hầu như không đặt ra. Một số nhà thờ như nhà thờ giáo xứ Hoàng Thôn (quận Từ Liêm), giáo xứ Đồng Trì (huyện Thanh Trì), nhà thờ giáo xứ Cổ Nhuế thậm chí có sự cải tiến mạnh mẽ, từ một tầng lên 2 tầng, với sự kết hợp các phong cách kiến trúc Âu-Á.

Một không gian Phật giáo độc đáo và mới mẻ ở Hà Nội gần đây xuất hiện cũng cần được xem xét. Đó là chùa Long Quang (xã Phương Liệt, huyện Thanh Trì). Ngôi chùa này có dấu tích cũ,

nhưng bị thực dân Pháp phá hủy hoàn toàn năm 1947. Năm 2011, chùa được xây dựng lại trên diện tích đất hơn 6.300 m², diện tích xây dựng chùa là hơn 2.000m², hoàn toàn bằng bê tông, có hai tầng, màu sắc đậm và rực rỡ, thể hiện diện mạo của chùa theo mô hình Kim Cương thừa. Gian Tam Bảo được thiết kế cao hơn hẳn so với gian Tam Bảo của chùa theo Đại thừa thấy ở Hà Nội. Không gian Phật giáo được kiến trúc cầu kỳ và phức tạp này ở Hà Nội mất 7 năm để hoàn thành, có sự khác biệt từ ngoài vào trong, với tòa bảo tháp mang đặc trưng triết lý của Mật tông, cũng như những trang trí của phái này ở bên trong. Kiến trúc này có thể thấy một phiên bản tương tự ở Vĩnh Phúc, gần khu danh thắng Phật giáo Tây Thiên.

Có thể nói các không gian tôn giáo ở Hà Nội luôn có sự mới mẻ, từ diện mạo, kiến trúc đến loại hình. Điều này gợi ý rằng những chuyển biến bên trong của niềm tin và thực hành tôn giáo biểu hiện ra bên ngoài dưới các lớp vỏ vật chất.

Những không gian tôn giáo xây mới hoàn toàn là điểm đáng chú ý ở Hà Nội. Có một loại hình không gian mới mẻ và hiện đại, với dáng vẻ phi truyền thống, nhưng xây dựng vì mục đích thờ cúng hay tưởng niệm nhưng mang tính tôn giáo rõ rệt. Trong số này, chủ yếu là các công trình xây dựng lên để tôn vinh các anh hùng dân tộc và người có công với quá trình dựng nước và giữ nước. Có thể thấy, đó là đền thờ anh hùng dân tộc; nhà tưởng niệm; tượng đài; nghĩa trang liệt sĩ. Bên cạnh đó, cũng xuất hiện các không gian thờ cúng xây mới và được tích hợp vào các không gian tôn giáo đã có hoặc tích hợp vào các không gian thể tục.

Trong những năm gần đây, khắp cả nước xuất hiện nhiều công trình tưởng niệm Hồ Chí Minh¹². Ở Hà Nội, Đền thờ Hồ Chí Minh hoàn thành năm 1999 ở trên núi Ba Vì (huyện Ba Vì) và Nhà tưởng niệm Hồ Chí Minh hoàn thành năm 2015 tại Khu di tích cách mạng K9 (Đá Chông, thị xã Sơn Tây) là những ví dụ tiêu biểu. Cả đền thờ và nhà tưởng niệm đều được xây dựng với dáng hình các ngôi đền truyền thống, có mái cong bên ngoài, hệ thống cột kèo bên trong và bàn thờ, đồ thờ cùng với tượng. Các hoạt động nghi lễ diễn

ra khá đều đặn ở các không gian này. Vào dịp Quốc khánh hằng năm, thường có lễ dâng hương với đại diện lãnh đạo nhà nước làm chủ lễ. Đây là các công trình tồn tại độc lập, được xây dựng với mục đích cụ thể từ đầu, không phải được tích hợp vào không gian tôn giáo nào.

Với các công trình độc lập mang tính tôn giáo, còn phải kể đến các tượng đài trong các khu tưởng niệm anh hùng dân tộc và các nghĩa trang liệt sĩ. Trong các thập niên sau Đổi mới, Hà Nội xuất hiện thêm những khu tượng đài mới. Tiêu biểu nhất là tượng đài Quang Trung ở quận Hai Bà Trưng (hoàn thành năm 1990), tượng đài Lý Thái Tổ ở hồ Hoàn Kiếm (hoàn thành năm 2004), tượng đài Thánh Gióng ở huyện Sóc Sơn, tượng đài Nguyên phi Ỗ Lan ở huyện Gia Lâm (hoàn thành năm 2010), v.v... Đây những khu vực được dựng lên với mục đích cơ bản là thể tục, nhằm nhắc nhở công chúng ghi nhớ và tôn vinh những người có công lao lớn với dân tộc, với cộng đồng. Tuy thế, trong quá trình xây dựng và sự tồn tại sau này, những khu vực này cũng được xem là có tính thiêng, và vẫn là nơi diễn ra những hành vi mang tính tôn giáo, có thể thấy trước hết trong các lễ động thổ, lễ hô thần nhập tượng, sau đó, vào những dịp giỗ kỵ, thường diễn ra hành vi dâng lễ, thắp hương bởi đại diện nhà nước và bởi người dân. Những không gian tôn giáo như tượng đài và nghĩa trang liệt sĩ mang đặc trưng về tính mở, nằm ở ngoài trời, có tính biểu tượng cao, mang phong cách kiến trúc nghệ thuật hiện đại, và có thể tiếp cận từ nhiều hướng. Mặc dù mang dáng vóc của kiến trúc phi truyền thống, ta vẫn thường xuyên có thể chứng kiến các hành vi thực hiện nghi lễ tại các không gian đó.

Ngoài ra, còn có một hiện tượng là xuất hiện các không gian tôn giáo hoàn toàn mới, dù động cơ và chủ thể xây dựng lại không xuất phát từ người dân địa phương hay chính quyền. Đó là vai trò của chủ đầu tư các công trình. Nổi bật nhất là các không gian tôn giáo được đặt trên nóc của một chung cư, thậm chí mang hình dáng rõ rệt của ngôi chùa và được quảng cáo như một điểm nhấn. Ví dụ, tại tòa chung cư Nam Xa La (quận Hà Đông), hoàn thiện năm 2015,

trên tầng thượng, *Nam Xa La Tự* được xây dựng với vẻ rất đơn sơ bên ngoài, nhưng bên trong cũng có ban thờ và tượng Phật. Đại diện quản lý tòa nhà cho biết nơi này được xây lên chỉ dành riêng cho cư dân lên cúng lễ. Một ví dụ khác là Dự án Hòa Bình Green City tại Minh Khai (quận Hai Bà Trưng) được xây dựng theo tiêu chuẩn chung cư và khu thương mại cao cấp, bắt đầu bàn giao nhà cho người mua từ năm 2014. Trên nóc hai tòa tháp của chung cư, hai ngôi chùa được xây mới hoàn toàn. Trong quảng cáo của dự án, các “ngôi chùa tâm linh” này là điểm “độc đáo và nổi bật”, được xây để dân cư của tòa nhà “không phải đi xa, không phải lo lắng mỗi khi tìm đến cửa Phật, sống ở dưới chân Phật”.

Xây chùa hoàn toàn trên tầng thượng khu chung cư mới như thế chưa phải là sự phổ biến. Nhưng thiết kế một không gian để thờ thần linh trong khu chung cư thì phổ biến hơn. Tại Chung cư Imperial ở Nguyễn Huy Tưởng (quận Thanh Xuân), một không gian được xây ở mặt đất, tại góc ngoài sát đường bao mà trong đó người dân có thể sắp lễ, thắp hương cho vị thần đất, được tin là cai quản toàn bộ mảnh đất nơi chung cư mọc lên. Đây là thiết kế có từ ban đầu của chung cư, bên cạnh các tiện ích hoàn toàn thế tục khác, như bể bơi ngoài trời, vườn cây xanh và các bãi đỗ xe. Ngay lối vào của chung cư D2 Giảng Võ (quận Ba Đình), người ta có thể thấy một không gian nhỏ, với bát hương luôn nghi ngút khói và một tấm hoành phi thiếp vàng ghi “Thần linh-Thổ thần”. Còn tòa nhà tại 27 Huỳnh Thúc Kháng thì trên nóc cũng có hai tòa miếu để thờ thần linh. Các ví dụ như thế là rất nhiều. Vấn đề là các không gian này được thiết kế đủ các kích cỡ khác nhau, bài trí khác nhau, và chất liệu xây dựng, trang trí cũng khác nhau.

Không gian tôn giáo và cũng là không gian thiêng trong câu chuyện của đạo Tin Lành ở Hà Nội cũng là một điểm khá mới mẻ. Với Tin Lành, tín đồ luôn có thể trực tiếp thông công với Chúa Trời. Ba người với cuốn Kinh Thánh cũng được coi là một hội thánh hiện diện. Trong điều kiện không có đất phân bổ như ở Hà Nội, nhiều hội nhóm Tin Lành thuê cơ sở để sinh hoạt tôn giáo, mà

họ gọi là “thờ phượng Chúa”. Cơ sở họ thuê có thể là một căn biệt thự (ví dụ trường hợp Hội thánh Lời Sự sống), hay một căn hộ chung cư (các nhóm Tin Lành Hàn Quốc). Cứ có mặt mục sư, hát thánh ca, cầu nguyện, thì không gian tại đó trở nên thiêng. Do đó, có thể nói về một loại không gian tôn giáo trong trường hợp đạo Tin Lành là một loại không gian mang tính tạm thời, di động, thậm chí không cần xây dựng cố định với biểu tượng của tôn giáo. Có một loại không gian Tin Lành đang xuất hiện với số lượng đáng kể gần đây ở miền Bắc nói chung và ở Hà Nội nói riêng. Đó là những cơ sở cai nghiện và phục hồi sau cai nghiện của một số hội thánh mở ra ở ngoại ô Hà Nội. Hiện ở Hà Nội có khoảng 70 điểm lớn nhỏ tại đó các hội thánh tổ chức các dạng thức cai nghiện tập trung cho người nghiện, nhưng không dùng thuốc hay có bác sĩ điều trị chuyên nghiệp như ở các trung tâm cai nghiện của nhà nước. Các điểm nhóm này chỉ dùng Kinh Thánh làm phương tiện chính. Tiêu biểu là Trung tâm Giải cứu và phục hồi Aquila thuộc Hội thánh Gia đình Tái sinh nằm trong hệ phái Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam. Trung tâm này nằm trên diện tích 30.000m² tại vùng núi thuộc huyện Quốc Oai, Hà Nội. Trung tâm xuất phát từ việc mua gom đất của gia đình Mục sư quản nhiệm, lập ra dưới hình thức các tòa nhà và tiện ích phục vụ cắt cơn nghiện, rèn luyện và phục hồi sức khỏe, xóa bỏ thói quen lệ thuộc vào tác nhân gây nghiện, v.v... Tại không gian này, diễn ra liên tục các hoạt động tôn giáo, như cầu nguyện, giảng đạo, tĩnh nguyện, hội nhóm, lễ nhập đạo, lễ cưới, v.v... Rất nhiều học viên đến đây cai nghiện đã trở thành tín đồ Tin Lành.

Các không gian tôn giáo xây mới và tích hợp trong không gian sống hiện đại, ở đây là các khu đô thị mới hay chung cư cao tầng, hay mô hình tôn giáo làm công tác cai nghiện là những gì chỉ xuất hiện trong hai thập niên gần đây ở Hà Nội. Chỉ trong thời hiện đại, người ta mới thấy các không gian tôn giáo được đẩy lên cao chót vót, và thu mình cho phù hợp với không gian kiến trúc tổng thể, không hề có cảnh quan xung quanh như thế. Các không gian này đặt ra thách thức với chính quyền trong việc cấp phép và hợp thức

hóa sự tồn tại của chúng. Các loại hình này về cơ bản mang dáng vóc mới mẻ, hiện đại. Nhưng điểm chung là nơi chủ yếu diễn ra các hoạt động tôn giáo, dù về mặt đăng ký với chính quyền, là vì mục đích thế tục.

Khái quát lại, các hoạt động can thiệp đã mang lại kết quả là làm biến đổi không gian tôn giáo tổng thể ở Hà Nội theo quá trình mà tôi gọi là *tái cấu trúc không gian tôn giáo*. Tại quá trình này, không gian tôn giáo tổng thể ở thủ đô được điều chỉnh, sắp xếp lại, đồng thời gia tăng về số lượng và đa dạng hóa về hình thức. Trong khi đó, các không gian phục vụ thờ cúng và sinh hoạt tôn giáo cụ thể được phục hồi, tôn tạo, mở rộng ra, và nâng cấp theo hướng gia tăng sự bền vững và vẻ đẹp, khả năng tiếp cận và tổ chức các sự kiện tôn giáo có đông người tham gia. Sự xuất hiện các loại hình không gian mới nơi diễn ra các hoạt động tôn giáo cũng phản ánh rất rõ sự biến đổi của không gian tôn giáo ở Hà Nội. Sự biến đổi ấy theo xu hướng các không gian tôn giáo trở nên mở hơn, linh hoạt hơn, đa năng hơn, phù hợp với kiến trúc của các không gian sống hiện nay. Sự biến đổi này minh chứng rõ cho sự thích ứng hóa không gian tôn giáo với bối cảnh của Hà Nội đang đẩy mạnh tiến trình đô thị hóa. Song song với những biến đổi đầy tính sáng tạo và thích ứng ấy là những nỗ lực tìm kiếm sự chấp thuận rộng rãi của xã hội, cao hơn là sự hợp pháp (legitimacy) từ chính quyền.

Kết luận

Mỗi không gian tôn giáo ở Hà Nội đều góp phần chuyên chở và thể hiện những ý nghĩa, giá trị và những biểu tượng vượt thời gian của bản sắc văn hóa vùng đồng bằng sông Hồng. Là kết quả của quá trình “vật chất hóa niềm tin”, mỗi không gian ấy chứa đựng và tiếp tục trao truyền một cách sống động những ký ức tập thể thể hiện niềm tin vào cái thiêng, về thế giới quan mang đậm truyền thống văn hóa của cộng đồng. Các không gian này vừa cấu thành bởi các di tích để lại từ thế hệ trước, vừa bởi những công trình phục vụ sinh hoạt tôn giáo mới được kiến tạo thêm, thực sự đã trải qua nhiều biến đổi kể từ khi Hà Nội cùng cả nước tiến vào công cuộc Đổi mới. Bởi

cảnh của Hà Nội như là thành phố dẫn đầu cả nước về tốc độ hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế đẩy mạnh hơn những hành vi mang tính can thiệp làm biến đổi các không gian tôn giáo.

Mọi hoạt động biến đổi không gian tôn giáo ở Hà Nội đều theo hướng bảo lưu và phát huy những giá trị đã có và thêm các chức năng mới. Những hoạt động này phản ánh hướng đi và nhu cầu của xã hội hiện đại. Phân tích các hành vi can thiệp theo hướng làm biến đổi không gian tôn giáo ở Hà Nội, chúng tôi thấy nổi lên điểm khác biệt cơ bản giữa các nhân tố có liên quan là: nhân tố nhà nước và doanh nghiệp tập trung vào những mục đích và động cơ mang tính thể tục, trong khi người dân đề cao sự thỏa mãn nhu cầu tâm linh, tôn giáo.

Trong một Hà Nội thuộc Đông Nam Á, biến đổi không gian tôn giáo cho thấy đặc tính thể hiện quyền lực của nhà nước. Xem xét trong câu chuyện không gian tôn giáo ở Hà Nội, có thể thấy sự cạnh tranh của quyền năng giữa các chủ thể khác nhau. Nhà nước khẳng định vai trò lãnh đạo của mình qua việc chọn lọc và bảo tồn hay nâng cấp những di tích tôn giáo mà nhân tố này cho là giàu ý nghĩa và quan trọng. Nhưng với các tổ chức hay cộng đồng tôn giáo, các chức sắc nắm vai trò quản trị không gian tôn giáo là những người đại diện cho quyền lực của cộng đồng trong ứng xử với không gian tôn giáo của mình. Ở Hà Nội, đã và sẽ còn những tương tác đáng theo dõi giữa hai nhóm nhân tố chính này khi dần thân vào quá trình can thiệp và làm biến đổi không gian tôn giáo.

Đô thị hóa ở Hà Nội là một quá trình mạnh mẽ và sâu rộng. Hệ quả của nó là sức ép rất lớn đặt lên việc duy trì, bảo vệ các khu vực trước đây dành cho hoạt động tôn giáo, vốn mặc định là thuộc về cộng đồng nhưng kém khả năng sinh lời so với việc chuyển đổi thành đất cho chung cư, công ty, siêu thị, hay nhà hàng và cửa hàng. Đồng thời, để đáp ứng sự ngày càng tăng cao của mật độ dân cư và nhu cầu của công việc và cuộc sống, việc mở mang cơ sở hạ tầng, cụ thể là đường giao thông ở các vành đai 1, 2 và 3 đều có tác động đến tính nguyên trạng của một số không gian tôn

giáo. Hệ quả của việc xây dựng thành phố với kiến trúc và cảnh quan hiện đại là các không gian tôn giáo phải trở nên thích ứng với khung cảnh đã khác trước đây. Kèm theo sự thích ứng của không gian tôn giáo với bối cảnh đô thị hóa, các sinh hoạt tôn giáo cũng phải tự điều chỉnh theo.

Với Hà Nội, hiện đại hóa và đô thị hóa là một cơ hội vừa là một thách thức cho các không gian tôn giáo. Đô thị hóa mang lại sự thịnh vượng cho dân cư, nhờ đó có điều kiện để phục dựng và tôn tạo các không gian thiêng. Đô thị hóa cũng gây ra khan hiếm đất đai và khiến cho nhiều không gian mang tính cảnh quan tổng thể của các không gian tôn giáo bị thu hẹp hoặc mất đi. Sự hiện đại hóa của đời sống nói chung cũng tác động theo hướng làm các không gian thiêng mất đi vẻ đẹp nguyên bản, cũ xưa, và trầm lắng. Đô thị hóa cũng làm phát sinh các kiểu không gian thiêng mới, hoặc có kiến trúc khác lạ, hoặc mang tính di động. Trong bối cảnh ấy đó, sự cạnh tranh về sức hút cũng đặt ra với các không gian tôn giáo truyền thống. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Trần Thị Hồng Yến (2013), *Biến đổi về xã hội và văn hóa ở các làng quê trong quá trình đô thị hóa tại Hà Nội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 282.
- 2 Trần Thị Hồng Yến (2013). Sđd., tr. 109-110.
- 3 Trần Thị Hồng Yến (2013). Sđd., tr.219-227.
- 4 Trần Trung Chính (2016). "Tuổi đô thị - tuổi của không gian tôn giáo", *Người đô thị*, truy cập tại: <https://nguoidothi.net.vn/tuoi-do-thi-tuoi-cua-khong-gian-ton-giao-6246.html>, ngày truy cập 22 tháng 4 năm 2020.
- 5 Nguyễn Công Thảo (2020), *Tìm phố trong làng: Những chiều tâm tư của người cao tuổi*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 232-250.
- 6 Nguyễn Công Thảo (2020). Sđd., tr. 318.
- 7 Xuân Mạnh (2011), Khởi công tu bổ, tôn tạo khu di tích đền thờ Tân Viên Sơn Thánh. Vinaconex.com.vn, truy cập tại: <https://www.vinaconex.com.vn/?id=1746>, ngày 22 tháng 5 năm 2020.
- 8 Xem thêm: Lê Thị Phụng (2020), Khởi phục di tích và lễ hội: Quá trình "sáng tạo truyền thống" và tạo dựng bản sắc văn hóa qua nghiên cứu trường hợp làng Đường Yên (Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội), Kỷ yếu hội

thảo *Biến đổi không gian tôn giáo truyền thống ở Đồng bằng sông Hồng và những vấn đề đặt ra hiện nay*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội.

- 9 Xem thêm: Nguyễn Ngọc Mai (2020), *Biến đổi không gian tôn giáo truyền thống và những hệ lụy: Nghiên cứu trường hợp đền thờ tổ nghề dầu tằm ở Phương Cách (Quốc Oai, Hà Nội)*, Kỷ yếu hội thảo *Biến đổi không gian tôn giáo truyền thống ở Đồng bằng sông Hồng và những vấn đề đặt ra hiện nay*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội.
- 10 Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội (2019), Báo cáo "Về công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hóa và công tác đầu tư, khai thác, quản lý các thiết chế văn hóa thông tin, thể dục thể thao trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2016 đến nay", Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2019.
- 11 Xem: *Tuần báo Công giáo và Dân tộc*, số 2268, tuần lễ từ 14 đến 20/08/2020, tr.12.
- 12 Xem thêm: Olga Dror (2020), Controversies over Monuments Commemorating Hồ Chí Minh in Vietnam, *Perspective*, ISEAS, No.43, 2020.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrea Lauser (2016), "Pilgrimage between religious resurgence, cultural nationalism and touristic heritage in contemporary Vietnam, in: Michael Dickhardt and Andrea Lauser (eds), *Religion, Place and Modernity: Spatial articulations in Southeast Asia and East Asia*, Brill: Boston.
2. Anele Vosyliute (2007), Thinking about religious space. *Filosofija.Sociologija*, No.4 (18).
3. David Morgan (2010), *Religion and Material culture: The matter of belief*. Routledge, Oxford and New York.
4. David Peopeno (1991), *Đời sống đô thị và sự biến đổi xã hội*, Tạp chí Xã hội học, số 3.
5. Hoàng Lâm (2019), "Dấu ấn Hà Nội qua những lần thay đổi địa giới hành chính", *Hà Nội mới*, số ra thứ Năm ngày 3 tháng 10 năm 2019.
6. Jeanne Halgren Kilde (2008), *Sacred power, sacred space*, Oxford University Press.
7. Jeanne Halgren Kilde (2013), Approaching Religious Space: An Overview of Theories, Methods, and Challenges in Religious Studies, *Religion & Theology*, 20.
8. Joanne Punzo Waghorne (2016), Introduction, in: *Place/No-place in urban Asian religiosity*, Joanne Punzo Waghorne (ed.), Springer.
9. Kim Knott (2005a), *The location of religion: A spatial analysis*, Enquinox Publishing, London.

10. Kim Knott (2005b), Spatial theory and method for study of religion, The Finnish Society for the Study of Religion, *Temenos*, Vol. 41 No. 2.
11. Lê Thị Phụng (2020), Khôi phục di tích và lễ hội: Quá trình "sáng tạo truyền thống" và tạo dựng bản sắc văn hóa qua nghiên cứu trường hợp làng Đường Yên (Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội), Kỷ yếu hội thảo *Biến đổi không gian tôn giáo truyền thống ở đồng bằng sông Hồng và những vấn đề đặt ra hiện nay*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội.
12. Manzoor Hussain and Iram Imityaz (2018), Urbanization concepts, dimensions and factors. *International journal of Recent Scientific research*, Vol9 (1).
13. Michael Dickhardt and Andrea Lauser (2016), Introduction, in: Michael Dickhardt and Andrea Lauser (eds), *Religion, Place and Modernity: Spatial articulations in Southeast Asia and East Asia*, Brill: Boston, pp.14,17.
14. Ngô Thị Thanh Tâm (2015), Dealing with dragon: Urban planning in Hanoi, in: Peter van der Veer (ed). *Handbook of Religion and the Asian city: Aspiration and Urbanization in the 21st century*. California: University of California Press..
15. Nguyễn Công Thảo (2020), *Tìm phố trong làng: Những chiều tâm tư của người cao tuổi*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
16. Nguyễn Ngọc Mai (2020), Biến đổi không gian tôn giáo truyền thống và những hệ lụy: Nghiên cứu trường hợp đền thờ tổ nghề Dâu tằm ở Phương Cách (Quốc Oai, Hà Nội), Kỷ yếu hội thảo *Biến đổi không gian tôn giáo truyền thống ở đồng bằng sông Hồng và những vấn đề đặt ra hiện nay*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội.
17. Olga Dror (2020), Olga Dror, Controversies over Monuments Commemorating Hồ Chí Minh in Vietnam, *Perspective*, ISEAS, No. 43, 2020.
18. Peter van der Veer (2015), Introduction, in: Peter van der Veer (ed), *Handbook of Religion and the Asian city: Aspiration and Urbanization in the 21st century*. California: University of California Press.
19. Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội (2019), Báo cáo "Về công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hóa và công tác đầu tư, khai thác, quản lý các thiết chế văn hóa thông tin, thể dục thể thao trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm 2016 đến nay", Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2019.
20. Thomas A. Tweed (2015), *Space, Material Religion*, 7 (1).
21. Trần Thị Hồng Yến (2013), *Biến đổi về xã hội và văn hóa ở các làng quê trong quá trình đô thị hóa tại Hà Nội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. Trần Trung Chính (2016), Tuổi đô thị - tuổi của không gian tôn giáo, *Người đô thị*, truy cập tại: <https://nguoidothi.net.vn/tuoi-do-thi-tuoi-cua-khong-gian-ton-giao-6246.html>, ngày truy cập 22 tháng 4 năm 2020.

23. *Tuần báo Công giáo và Dân tộc*, số 2268, tuần lễ từ 14 đến 20/08/2020.

24. Xuân Mạnh (2011), Khởi công tu bổ, tôn tạo khu di tích đền thờ Tản Viên Sơn Thánh. vinaconex.com.vn, truy cập tại: <https://www.vinaconex.com.vn/?id=1746>, ngày 22 tháng 5 năm 2020.

Abstract

TRANSFORMATIONS OF RELIGIOUS SPACE IN HANOI IN THE URBANIZATION CONTEXT

Hoang Van Chung

Institute for Religious Studies, VASS

Hanoi, in the Red River Delta region, is a locality with a high density and diversity of places of worship. It expresses belief in supernatural forces. Scientific terminology calls them sacred spaces/religious spaces. International and domestic social science circles have recently begun to promote religious research on this physical and tangible manifestation. The remarkable comments of researchers that there is a lot of valuable information which helps to enrich knowledge about religion through research on religious space. In the context of social change, processes of cultural globalization, modernization, and urbanization, religious life has many changes that led to the transformation of religious spaces. In Hanoi, what typical activities are leading to religious spaces changes? What is the result of that transformation? What are the key factors in process of transformation? This article answers these questions.

Keywords: Transformation; religious space; Hanoi; urbanization.